

Bản án số: 26/2024/DS-PT

Ngày 11-01-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương Loan**Các Thẩm phán:** Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 117/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 468/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H**- Người đại diện theo pháp luật:** Ông Trần Ngọc Thảo, chức vụ Giám đốc.**- Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phạm Duy L (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 15, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: 1. Ông Trương Văn V, sinh năm 1966 (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Diệu H2, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Lê Văn Bi, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn Q, sinh năm 1975 (vắng mặt).

2. Bà Trương Thị P sinh năm 1978 (vắng mặt).

3. Ông Võ Văn B (vắng mặt).

4. Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 20, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Văn Vũ – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H (gọi tắt là Công ty) trình bày: Vào năm 1995, Lâm ngư trường Sông Trẹm có hợp đồng giao khoán cho bà Nguyễn Thu Hương diện tích 9,53ha, bà Tạ Hồng Huệ diện tích 9,53ha và bà Hồ Mỹ Nương diện tích 9,53ha. Hợp đồng giao khoán có thời hạn 20 năm đến năm 2015 là hết hạn. Ngày 02/7/2006, ông Phạm Công Danh là chồng bà Hồ Mỹ Nương, ông Trần Minh Phú là chồng bà Nguyễn Thu Hương và ông Nguyễn Nhiên là chồng bà Tạ Hồng Huệ tự ý làm hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động cho ông Trương Văn V và bà Lê Thị Diệu H2 toàn bộ diện tích đất do bà Nương, bà Hương và bà Huệ nhận giao khoán khi chưa được sự đồng ý của Lâm ngư trường Sông Trẹm nay là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H. Ngày 12/9/2006 ông V cùng bà H2 làm hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động cho ông Lê Việt diện tích 15ha nhưng không làm thủ tục giao đất rừng cho ông Việt quản lý. Ngày 27/10/2008, ông Lê Việt làm đơn yêu cầu gửi Công ty để giải quyết. Ngày 27/11/2008 Công ty ban hành công văn số 615/CTy trả lời đơn yêu cầu của ông Lê Việt với nội dung ông V và bà H2 chưa được chuyển tên hợp đồng giao khoán đất với Lâm ngư trường Sông Trẹm nên việc chuyển nhượng thành quả lao động giữa ông Việt và ông V, bà H2 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Công ty nên ông Việt khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện U Minh. Tại Bản án số 44/2014/DSST ngày 12/9/2014 tuyên xử hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động ngày 12/9/2006 giữa ông V và bà H2 với ông vô hiệu. Tại Bản án phúc thẩm số 27/2015 DS-PT ngày 12/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã Quyết định giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 44 2014/DS-ST ngày 12/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện U Minh. Từ đó, ông V và bà H2 yêu cầu Công ty kí hợp đồng giao khoán 28,6 ha đất rừng tại khoảnh 1, tiểu khu 005, liên tiểu khu Sông Trẹm nhưng Công ty không đồng ý. Ông V và bà H2 tiếp tục có đơn khiếu nại, Thanh tra tỉnh giải quyết và có Kết luận số 02/KL-UBND ngày 19/9/2016 với nội dung, Công ty lập phương án khai thác rừng bổ sung năm 2016 cho ông V và bà H2 khai thác trên diện tích 28,6 ha, trong đó diện tích có rừng 20,42ha, thời gian khai thác đến hết ngày 31/12/2017. Sau khi khai thác xong thì thanh lý hợp đồng, việc kí hợp đồng giao khoán cho ai thuộc thẩm quyền của Công ty. Thực hiện nội dung kết luận của Thanh tra tỉnh Cà Mau, Công ty lập phương án khai thác rừng năm 2016 (bổ sung) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cho phép ông V và bà H2 được khai thác trên toàn bộ diện tích 28,6 ha theo quy định từ ngày 11/02/2017 đến ngày 31/12/2017. Trong quá trình khai thác, ông V và bà H2 khai thác đến đâu, tự ý đào kinh, mương lên liếp, trồng rừng trái phép đến đó, khi chưa được sự đồng ý của Công ty nên Công ty đã lập nhiều biên bản. Cụ thể tại biên bản ngày 14/8/2017 thể hiện ông V và bà H2 trồng tràm diện tích 2,10 ha trên diện tích mặt liếp. Biên bản ngày 18/9/2017, Công ty mời ông V, bà H2 đến làm việc và

động viên khai thác kịp theo tiến độ. Ngày 04/10/2017, Công ty tiến hành ký thanh lý hợp đồng với bà Hương, bà Huệ và bà Nương. Sau khi thanh lý Hợp đồng, Công ty ban hành Công văn số 27/Cty ngày 10/01/2018 thống nhất cho hộ ông V, bà H2 được ký hợp đồng giao khoán diện tích 9,53ha nhưng ông V và bà H2 không đồng ý. Ngày 07/02/2018, ông V và bà H2 có đơn khiếu nại yêu cầu Công ty giao khoán hết toàn bộ diện tích đất 28,6 ha ông V và bà H2 đang quản lý. Đồng thời ông V và bà H2 vẫn tiếp tiếp tục trồng rừng trái phép nên Công ty đã lập nhiều biên bản, cụ thể biên bản ngày 26/10/2017 thể hiện ông V và bà H2 tiếp tục trồng tràm trên diện tích 0,53ha đất mặt liếp. Biên bản ngày 02/01/2018, liên tiểu khu Sông Trẹm lập biên bản về việc khai thác không đúng tiến độ và đưa phương tiện xe đào bánh xích ban gạt đất rừng trái phép. Biên bản ngày 26/01/2018, liên tiểu khu Sông Trẹm lập về việc đưa phương tiện xe đào bánh xích ban gạt đất rừng trái phép trên diện tích 1,50ha. Ngày 15/3/2018, Công ty phối hợp với Hạt Kiểm Lâm huyện U Minh, Ủy ban nhân dân xã Khánh Thuận, Trưởng ấp 20, xã Khánh Thuận lập biên bản về việc ông V và bà H2 chiếm đất rừng, kê liếp trồng rừng trái phép. Ngày 18/7/2018 Công ty ban hành Quyết định số 490/QĐ-Cty về việc không chấp nhận khiếu nại của ông V và bà H2. Ông V và bà H2 tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau. Ngày 28/9/2018 UBND tỉnh Cà Mau có Quyết định số 1592/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của ông V và bà H2, giữ nguyên Quyết định số 490/QĐ-CTy ngày 18/7/2018 của giám đốc Công ty. Qua nhiều lần Công ty mời ông V và bà H2 làm thủ tục ký hợp đồng giao khoán đất rừng tại khoảnh 1, tiểu khu 005, liên tiểu khu Sông Trẹm với diện tích 9,53ha, nhưng ông V và bà H2 không thực hiện mà tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất 28,6 ha. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V và bà H2 giao phần diện tích đất rừng 19,07ha, thuộc khoảnh 1, Tiểu khu 005, Liên Tiểu khu Sông Trẹm để đưa vào phương án sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Công ty đồng ý ký hợp đồng giao khoán với ông V và bà H2 phần đất có diện tích 9,53 ha.

Theo kết quả thẩm định giá trên phần đất 19,07 ha đất rừng sản xuất mà Công ty yêu cầu ông V, bà H2 phải trả có 16 ha rừng Tràm Úc đã trồng được 4 năm do ông V, bà H2 tự ý trồng trái phép trị giá là 1.632.800.000 đồng đã đến thời điểm chu kỳ khai thác trong năm 2022. Căn cứ mức hưởng lợi qui định trong hợp đồng giao khoán đang áp dụng tại Công ty đối với rừng trồng do hộ dân đầu tư 100% vốn trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng; Công ty thực hiện trách nhiệm tư vấn, giám sát, quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, khi rừng đến chu kỳ khai thác được phân chia kết quả như sau: Cách tính: Giá trị lâm sản cây đứng, giá trị còn lại sau khi trừ chi phí khảo sát, thiết kế, quản lý còn lại hộ dân được chia 95%; Công ty 5%. Theo kết quả định giá số cây Tràm Úc do ông V và bà H2 trồng có giá trị là 1.632.800.000 đồng; Chi phí khảo sát, thiết kế do đã được định giá nên khoản chi phí này không phát sinh; Chi phí quản lý phải chi trả cho Công ty là 23.343.954 đồng, nên giá trị cây còn lại được phân chia là 1.609.456.046 đồng (1.632.800.000 đồng - 23.343.954 = 1.609.456.046 đồng) ông V và bà H2 phải nộp cho Công ty 5% với số tiền là 80.472.802 đồng (1.609.456.046 đồng x 5% = 80.472.802 đồng). Như vậy Công ty yêu cầu ông V,

bà H2 phải nộp lại cho Công ty là 103.816.756 đồng (80.472.802 đồng + 23.343.954 đồng = 103.816.756 đồng) giá trị còn lại ông V và bà H2 được hưởng. Từ căn cứ trên, Công ty sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2021, yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà H2 phải khai thác toàn bộ 16 ha rừng Tràm Úc đã đến chu kỳ khai thác, tháo dỡ, di dời nhà, tài sản cùng cây trồng khác có trên diện tích đất sử dụng trái phép để trả lại cho Công ty tổng diện tích đất rừng sản xuất là 19,07 ha theo đo đạc thực tế diện tích là 187.051,2 m²; Buộc ông V, bà H2 trả cho Công ty số tiền phân chia lợi nhuận và chi phí quản lý sau khi khai thác 16 ha Tràm Úc là 103.816.756 đồng. Tiền chi phí đo đạc là 8.548.000 đồng, tiền chi phí định giá là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 127.364.756 đồng.

- Bị đơn, ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Diệu Hiền đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông V và bà H2 không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với các yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp, phiên thẩm định và phiên tòa sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn Q, bà Trương Thị P, ông Võ Văn B và bà Võ Thị Cẩm T đã trực tiếp quản lý cất nhà ở trên diện tích đất 19,07 ha nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 117/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H về việc yêu cầu ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Diệu Hiền trả đất.

Buộc ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, ông Võ Văn Q, bà Trương Mỹ Phương, Võ Văn B, Võ Thị Cẩm T dỡ nhà, di dời tài sản, khai thác, thu hoạch cây trồng và cây tràm trên toàn bộ diện tích đất là 187.051,2 m² tại ấp 20, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau để trả cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H. Phần đất có vị trí: Từ điểm M1 đến M2 chiều dài 564.29 mét, từ điểm M2 đến M3 dài 330.41 mét, từ điểm M3 đến M6 dài 575.36 mét, từ điểm M6 đến M1 dài 326.35 mét (có sơ đồ đo đạc thực tế kèm theo).

Buộc ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, ông Võ Văn Q, bà Trương Mỹ Phương, Võ Văn B, Võ Thị Cẩm T trả cho Công ty số tiền lợi nhuận khi khai thác cây tràm là 80.472.802 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H về việc yêu cầu ông Trương Văn V trả tiền chi phí quản lý số tiền 23.343.954 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H trả giá trị nhà do di dời và tiền đào kênh trên đất cho ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Diệu Hiền số tiền 260.049.080 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/8/2023 bị đơn là ông Trương Văn Vũ kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và buộc Công ty giao khoán cho ông V và bà H2 phần đất có diện tích 187.051,2m² thuộc khoảnh 1, tiểu khu 005 Liên tiểu khu Sông Trẹm tại ấp 20, xã Khánh Thuận để tiếp tục khai thác, sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng việc ông V và bà H2 nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên 3 phần đất giao khoán của bà Hương, bà Huệ và bà Nương mỗi người 9,53ha vào năm 2006 được Lâm ngư trường Sông Trẹm đồng ý nên đã ký hợp đồng giao khoán số 380 cho bà H2, thời hạn theo hợp đồng được ghi là 20 năm, từ năm 1995 đến năm 2015 kết thúc hợp đồng, nhưng do bà H2 nhận chuyển nhượng thành quả lao động và nhận đất năm 2006 nên ông cho rằng thời hạn kết thúc hợp đồng được tính từ năm 2006 đến năm 2026. Do đó yêu cầu Công ty phải tiếp tục ký lại hợp đồng giao khoán cho bà H2 và ông V trên diện tích đất 28,6 ha tính từ năm 2026.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tranh luận cho rằng: Hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp giữa Lâm ngư trường Sông Trẹm với bà Hương diện tích 9,53ha, bà Huệ diện tích 9,53ha và bà Nương diện tích 9,53ha vào năm 1995 thời hạn kết thúc hợp đồng đến năm 2015 nhưng ngày 02/7/2006 ông V và bà H2 nhận chuyển nhượng thành quả lao động trên toàn bộ diện tích đất giao khoán của bà Hương, bà Huệ, bà Nương không được sự đồng ý của Lâm ngư trường Sông Trẹm. Theo hợp đồng số 380 do Lâm ngư trường Sông Trẹm ký với bà H2 là bản photo do ông V cung cấp hiện nay Công ty không thừa nhận vì khi Lâm ngư trường Sông Trẹm chuyển giao qua cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ không có hợp đồng này. Ngày 04/10/2017, Công ty ký thanh lý hợp đồng với bà Hương, bà Huệ và bà Nương nên toàn bộ phần đất 28,6 ha do ông V và bà H2 đang quản lý Công ty chưa ký hợp đồng giao khoán với ai. Hiện nay, Công ty chỉ chấp nhận ký hợp đồng giao khoán với ông V và bà H2 diện tích đất lâm nghiệp là 9,53ha. Phần đất còn lại diện tích 19,07ha ông V và bà H2 đang quản lý sử dụng để trồng rừng là trái phép nên yêu cầu ông V và bà H2 giao trả diện tích đất 19,07 ha.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn Vũ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông V và bà H2 thừa nhận đang quản lý khai thác và sử dụng phần đất lâm nghiệp do nhận chuyển nhượng thành quả lao động của ông Phạm Công Danh, ông

Trần Minh Phú và ông Nguyễn Nhiên có tổng diện tích 28,6ha vào ngày 02/7/2006. Nguồn gốc đất do bà Hương, bà Nương và bà Huệ kí hợp đồng giao khoán với Lâm ngư trường Sông Trẹm vào năm 1995, thời hạn hợp đồng là 20 năm đến năm 2015 kết thúc hợp đồng. Theo đo đạc thực tế diện tích là 187.051,2m², thuộc khoảnh 1, tiểu khu 005, liên tiểu khu Sông Trẹm, tọa lạc tại ấp 20, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Ông V cho rằng khi kí hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động trên diện tích đất Lâm nghiệp 28,6 ha được Lâm ngư trường Sông Trẹm đồng ý nên Lâm ngư trường Sông Trẹm đã kí hợp đồng giao khoán số 380 với bà H2 vào năm 2006 nhưng Công ty không thừa nhận. Tại hồ sơ, ông V cung cấp cho Tòa án hợp đồng giao khoán số 380 là Hợp đồng được photo xác định diện tích đất giao khoán là 28,6 ha nhưng không có hợp đồng gốc, trong khi đó theo Hợp đồng giao khoán số 380 mà Công ty thừa nhận do Lâm ngư trường Sông Trẹm kí hợp đồng giao khoán với bà Huệ vào năm 1995 với diện tích 9,53 ha được nộp vào hồ sơ là bản gốc (BL 65). Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của ông V cho rằng thời hạn hợp đồng do Lâm ngư trường Sông Trẹm kí với bà H2 thời hạn từ năm 2006 đến năm 2026 mới hết hạn hợp đồng nhưng cũng không thể hiện trong hợp đồng giao khoán số 380 bản photo do ông V cung cấp, nên không có cơ sở cho rằng Lâm ngư trường Sông Trẹm đã kí hợp đồng giao khoán 28,6 ha đất lâm nghiệp cho bà H2 đến năm 2026 kết thúc hợp đồng.

[2] Xét thấy, toàn bộ diện tích đất 28,6 ha hiện nay bà H2 và ông V đang quản lý không được Công ty kí hợp đồng giao khoán, trong khi đó toàn bộ phần đất này do bà Hương, bà Nương và bà Huệ được Lâm ngư trường Sông Trẹm kí bằng ba hợp đồng giao khoán số 380, 381, 382 vào năm 1995 (BL 65, 78, 88). Vào ngày 04/10/2017, Công ty ký thanh lý hợp đồng với bà Hương, bà Huệ và Nương (BL 33-37). Toàn bộ diện tích đất 28,6 ha do ông V và bà H2 đang quản hiện nay Công ty chưa kí hợp đồng giao khoán với ai. Hiện nay, Công ty thống nhất kí hợp đồng giao khoán cho hộ ông V, bà H2 với diện tích 9,53 ha. Còn lại phần đất diện tích 19,07 ha Công ty yêu cầu ông V và bà H2 phải giao trả lại cho Công ty theo đo đạc thực tế diện tích 187.051,2m² là phù hợp.

[3] Việc ông V và bà H2 yêu cầu Công ty kí hợp đồng giao khoán cho ông V và bà H2 toàn bộ diện tích đất 28,6 ha nhưng Công ty không đồng ý đã được ông V và bà H2 khiếu nại đến UBND tỉnh Cà Mau đều được xác định việc Công ty kí hợp đồng giao khoán đất Lâm nghiệp với ai là thuộc thẩm quyền của Công ty. Do phần đất này Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng để thực hiện giao khoán cho các hộ dân. Vì vậy ông V và bà H2 kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải kí hợp đồng giao khoán với ông V và bà H2 diện tích đất 28,6 ha là không có cơ sở.

[4] Trên phần đất hiện nay ông V, bà H2 cùng với bà Trương Thị Mỹ Phương, ông Võ Văn Q, ông Võ Văn B và bà Võ Thị Cẩm T đang quản lý có nhà ở và các cây trồng nên buộc ông V, bà H2, ông Q, bà P, ông B và bà T tháo dỡ căn nhà, thu hoạch cây ăn trái, cây trồng, di dời tài sản, khai thác cây tràm, keo lai, bạch đàn để trả lại đất cho Công ty là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông Vũ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận:

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Vũ không được chấp nhận nên ông Vũ phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn Vũ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số số 117/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H về việc yêu cầu ông Trương Văn V và Nguyễn Thị Diệu Hiền trả cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H phần đất có diện tích 187.051,2 m² tọa lạc tại ấp 20, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Phần đất có vị trí: Từ điểm M1 đến M2 chiều dài 564.29 mét, từ điểm M2 đến M3 dài 330.41 mét, từ điểm M3 đến M6 dài 575.36 mét, từ điểm M6 đến M1 dài 326.35 mét. (có sơ đồ đo đạc thực tế kèm theo).

- Buộc ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, ông Võ Văn Q, bà Trương Mỹ Phương, ông Võ Văn B, bà Võ Thị Cẩm T dỡ nhà, di dời tài sản, khai thác, thu hoạch cây trồng và cây tràm trên toàn bộ diện tích đất là 187.051,2 m² tại ấp 20, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau để trả đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H.

- Buộc ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Diệu Hiền, ông Võ Văn Q, bà Trương Mỹ Phương, ông Võ Văn B và bà Võ Thị Cẩm T trả cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H số tiền lợi nhuận khi khai thác cây tràm là 80.472.802 đồng. (Tám mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm lẻ hai đồng)

- Buộc ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Diệu Hiền trả lại cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H chi phí tố tụng bao gồm tiền đo đạc và định giá là 23.548.000 đồng. (Hai mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn)

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H về việc yêu cầu ông Trương Văn V trả tiền chi phí quản lý số tiền 23.343.954 đồng. *(Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng)*

- Buộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H trả giá trị nhà do di dời và tiền đào kênh trên đất cho ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Diệu Hiền số tiền 260.049.080 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu không trăm bốn chín ngàn không trăm tám mươi đồng)*.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 14.169.651 đồng. Công ty đã nộp tạm ứng án phí số tiền 59.539.000 theo biên lai thu số 0011011 ngày 06 tháng 3 năm 2023 và biên lai số 0006372 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đổi trừ. Công ty được nhận lại số tiền 45.369.349 đồng *(Bốn mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng)*.

Ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Diệu Hiền phải chịu án phí số tiền 113.692.008 *(Một trăm mười ba triệu, sáu trăm chín mươi hai ngàn, không trăm lẻ tám đồng)*.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trương Văn Vũ phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07/9/2023 ông Vũ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011432 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung

Đình Cẩm Đào

Bùi Thị Phương Loan

